

Số: **11** /CT-UBND

Đồng Nai, ngày **15** tháng 8 năm 2022

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
dự toán ngân sách nhà nước năm 2023
của tỉnh Đồng Nai

Năm 2022, kinh tế của tỉnh Đồng Nai đang hồi phục, chủ yếu nhờ việc triển khai có hiệu quả, kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ trên địa bàn tỉnh về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; về các chính sách hỗ trợ, phục hồi phát triển kinh tế - xã hội (KTXH); các ngành, lĩnh vực chủ yếu tiếp tục tăng trưởng tốt, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ đang từng bước phục hồi và có nhiều khởi sắc, Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phân đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, kinh tế của tỉnh dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của tình hình chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhất là ảnh hưởng từ xung đột quân sự Nga và Ukraine; giá xăng dầu và nhiều nguyên, vật liệu đầu vào tăng cao. Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với sự xuất hiện của biến chủng mới; việc thực hiện tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm...

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi chung doanh nghiệp) tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023-2025 với yêu cầu, nhiệm vụ nội dung chủ yếu sau:

A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. Yêu cầu

1. Đối với đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 06/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) và các Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2022 của tỉnh Đồng Nai (Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/4/2022 và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 08/7/2022).

b) Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021; nêu rõ những kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2022), khó khăn, hạn chế; phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém; chỉ rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, yếu kém và đề ra bài học kinh nghiệm.

2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

a) Kế hoạch của tỉnh phải xây dựng bám sát các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa những thành quả đã đạt được, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như bảo đảm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công. Đồng thời, kế hoạch được xây dựng phải phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương.

c) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

d) Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành (lượng hóa tối đa các kết quả dự kiến hoàn thành, đạt được trong năm 2023 như: số km đường cao tốc, đường liên vùng,...; số công trình thủy lợi, hồ chứa nước; văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh; thủ tục hành chính được rút gọn; biên chế được tinh giản; bộ máy

được sắp xếp lại; thanh tra, kiểm tra xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực,...); cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; cá thể hóa trách nhiệm.

II. Nội dung chủ yếu

Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022, các Sở, ngành, doanh nghiệp và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá các tác động của dịch bệnh như dịch Covid-19, xung đột quân sự Nga – Ukraine, biến động giá cả hàng hoá..., cụ thể:

a) Các sở, ban, ngành đánh giá Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 06/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) và các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 (*Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/4/2022 và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 08/7/2022*). Trong đó, báo cáo đầy đủ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết nêu trên theo mẫu Phụ lục kèm theo.

b) UBND các huyện, thành phố đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và HĐND thành phố, huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

2. Nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Giá cả nguyên vật liệu sản xuất, lạm phát có nguy cơ gia tăng. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới và xu hướng thúc đẩy thích ứng, mở cửa sau dịch COVID-19, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức. Cạnh tranh chiến lược, căng thẳng thương mại giữa các nước, dịch bệnh ở một số nước còn diễn biến phức tạp.

Ở trong nước và tình hình kinh tế có khả năng phục hồi nhanh hơn; tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn, nhất là giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, áp lực lạm phát gia tăng,... Trong bối cảnh đó, các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ukraine, chính sách phòng chống dịch COVID-19 và thương mại của các đối tác, rủi ro của thị trường bất động sản, tài chính, khả năng kiểm soát dịch COVID-19 và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội,...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

c) Mục tiêu chủ yếu: Các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp, căn cứ tình hình thực tế xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương xây dựng phương án tăng trưởng hợp lý và phù hợp; một số chỉ tiêu cơ bản tại Phụ lục kèm theo và đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp cho năm 2023.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các sở, ban, ngành và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2023, bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2023, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, gồm:

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh về các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch COVID-19, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng công tác giám sát thực hiện các biện pháp kê khai giá, niêm yết giá; công khai thông tin về giá (xăng dầu, vật liệu xây dựng, sách giáo khoa, dịch vụ khám chữa bệnh...); tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Tích cực hơn nữa trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh bằng cơ chế, chính sách phù hợp; chủ động xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài.

- Quán triệt chủ trương phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm hơn nữa đến công tác an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tham gia và thụ hưởng thành quả phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Củng cố, tăng cường tiềm lực

quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; tích cực, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2023-2025

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2023

Dự toán thu NSNN năm 2023, phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, diễn biến phục hồi của nền kinh tế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN, đi đôi với nuôi dưỡng nguồn thu. Tập trung phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023, dự toán thu NSNN năm 2023. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các tác động thu ngân sách gắn với thực hiện các nghĩa vụ của Chính phủ đối với các cam kết với nhà đầu tư nước ngoài đã và đang trình cấp thẩm quyền. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân cả nước tăng khoảng 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các huyện và thành phố xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về xây dựng dự toán và định mức chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 được cấp thẩm quyền quyết định; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc triển khai chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII). Phân đầu cân đối nguồn lực để thực hiện việc cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

Ưu tiên nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở ở những nơi cần thiết, cấp bách, tăng cường năng lực phòng chống dịch bệnh; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước.

Việc xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, đối với một số lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể cần chú ý các nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2023 bao gồm dự toán chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và dự toán chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, trong đó đề nghị:

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2022; khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Riêng đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2023 và không có khả năng gia hạn.

- Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: đề xuất bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư thuộc danh mục dự án đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo (Văn bản số 450/TTg-KTTH ngày 20 tháng 5 năm 2022 và các văn bản thông báo vốn của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)); mức vốn bố trí cho dự án theo khả năng giải ngân và tiến độ thực hiện dự án.

b) Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khoá XII) và Kết luận 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị

về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận 28-KL/TW), theo đó triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu,... trên cơ sở đó, bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

d) Xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025 và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Không bố trí chi thường xuyên đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

e) Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền và văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện năm 2022, dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2021-2025 và cơ chế phân cấp thực hiện, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2023 của từng chương trình chi tiết theo từng cơ quan, đơn vị, địa phương, kinh phí đầu tư phát triển, thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2023 các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công.

g) Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

h) Chi viện trợ từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch hợp tác hằng năm, hiệp định hợp tác song phương cả giai đoạn 2021-2025 với các nước nhận vốn viện trợ của Tỉnh Đồng Nai (nếu có) và khả năng cân đối NSNN năm 2023, tiến độ triển khai chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ.

i) Về việc cải cách tiền lương và dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công: Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

3. Xây dựng dự toán Ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm 1, 2 mục I, phần B của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSĐP các cấp năm 2023 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục thuế, Cục Hải quan, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan, căn cứ chỉ tiêu pháp lệnh thu Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao và đánh giá những tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan đến sản xuất, kinh doanh, nguồn thu ngân sách để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2022 trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2023 theo từng địa bàn, từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do tác động của các yếu tố khách quan về kinh tế chính trị thế giới, khu vực, tình hình biến động giá cả, thị trường, điều hành cung ứng, luân chuyển hàng hóa, sự phục hồi của kinh tế địa phương...

b) Dự toán chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương được Quốc hội quyết định; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của địa phương; các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành theo thẩm quyền; các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH; các Sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương, chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; ngân sách địa phương xác định lại số tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 dành để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

c) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các

công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

d) Đối với bội chi, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các sở, ban, ngành và địa phương có dự án chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2023; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2023-2025

Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

2. Cục Thống kê

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022. Trên cơ sở đó để xây dựng các chỉ tiêu này cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

Đối với chỉ tiêu GRDP của tỉnh, Cục Thống kê tỉnh chủ động phối hợp với Tổng Cục Thống kê để được cung cấp thông tin về chỉ tiêu trên phục vụ cho việc xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế và xây dựng kế hoạch năm 2023 của tỉnh, đồng thời cung cấp thông tin GRDP hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng để phục vụ công tác điều hành kinh tế xã hội của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2022, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; các sở, ban, ngành cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Các Công ty, Tổng công ty có vốn nhà nước trực thuộc tỉnh: Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch 2023 của đơn vị mình cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Tiến độ xây dựng kế hoạch

a) Trước ngày 15/8/2022: Các sở, ban, ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch đầu tư công năm 2023; gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

b) Trước ngày 22/8/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch đầu tư công năm 2023; đồng thời, dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách nhà nước báo cáo UBND tỉnh thông qua nội dung báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

c) Từ tháng 9/2022 đến ngày 10/10/2022: Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ kết quả thực hiện 9 tháng và ước cả năm 2022 để rà soát, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2022 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương có mục tiêu để phân bổ chi tiết cho các dự án cụ thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan hoàn chỉnh báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/10/2022 để xem xét trình HĐND tỉnh.

d) Sau khi nhận được Quyết định giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch đầu tư công năm 2023 của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cho địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 vào tháng 12/2022.

đ) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước: Các đơn vị dự toán cấp I ở tỉnh và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2023 - 2025

1. Sở Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; rà soát kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025 của tỉnh, thông báo số kiểm tra dự toán thu chi ngân sách phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định biên chế năm 2023 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2023 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2023.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC (các phòng).



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



PHỤ LỤC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT TỈNH ỦY-HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NĂM 2022 - DỰ KIẾN NĂM 2023

(Kèm theo Chỉ thị 11../CT-UBND ngày 15/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan bảo bảo	
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá			
I Về kinh tế (07 chỉ tiêu)										
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng so với năm 2021	%	6,5-7,0	7.06					Cục Thống kê tỉnh	
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt	Triệu đồng/người	126.26	-					Cục Thống kê tỉnh	
3	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt	%	11.5	-					Cục thống kê tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông,	
4	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử đạt	%	10	-					Sở Công thương, Cục Thống kê tỉnh	

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo bảo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá		
5	Kim ngạch xuất khẩu	%	8,0-8,5	13.02					Sở Công thương, Cục Thống kê tỉnh
6	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng	1.000 tỷ đồng	100,07	55,783.4					Cục Thống kê tỉnh
7	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	Đạt dự toán giao (55.241 tỷ đồng)	35,440.0					Sở Tài chính
II Về môi trường (03 chỉ tiêu)									
8	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%	100	100					Sở Tài nguyên và Môi trường
	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100	100					
	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%	100	100					
	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	100	100					
	Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%	100	100					Sở Tài

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo bảo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá		
9	Tỷ lệ khu công nghiệp có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, hoạt động hiệu quả, đạt yêu cầu theo quy định.	%	100	100					nguyên và Môi trường
10	Tỷ lệ che phủ cây xanh	%	52	52					Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	28,3	29,29					
III Về an sinh - xã hội (12 chỉ tiêu)									
11	Phần đầu trong năm 2022 toàn tỉnh có thêm ít nhất:		-	-					Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	<i>Xã</i>	15	4					
	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>	<i>Xã</i>	3	1					
12	Giảm tỷ lệ hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A	%	17	-					Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
13	Tỷ lệ lao động không có việc làm khu vực đô thị ở mức	%	2.4	-					Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan bảo bảo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá		
14	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt	%	90	88					Sở Y tế
	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc	%	100	100					
15	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm	%	7,8	7.8					Sở Y tế
16	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm	%	21,5	21.5					Sở Y tế
17	Số Bác sỹ/ vạn dân	Bác sỹ	9,1	8.95					Sở Y tế
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	30	30					
18	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	83.9					Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh
19	Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội	Căn	200	100					Sở Xây dựng
20	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn QCVN								
	Dân số tại đô thị đạt	%	87	86.3					Sở Xây dựng

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo bảo	
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá			
	<i>Dân số tại nông thôn đạt</i>	%	82,5	82.23					Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
21	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt	%	85	82					Sở Thông tin và Truyền thông	
22	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt	%	7,5 (344 đối tượng)	147 (đối tượng)					Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt	%	11 (505 đối tượng)	180 (đối tượng)						
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt	%	6,5 (299 đối tượng)	78 (đối tượng)						
IV Các chỉ tiêu văn hóa, giáo dục- đào tạo (02 chỉ tiêu)										
	Tỷ lệ ấp (khu phố) đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 90	-					Sở Văn hóa,	
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	Trên 90	-						
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 98	-						

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá		
23	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 75	-				Ihe thao và Du lịch	
	Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả	%	100	-					
	Tỷ lệ nhà văn hóa ấp (khu phố) hoạt động hiệu quả	%	90	-					
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	67 % (72.000 học viên)	34.154 (học viên)				Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
24	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	%	26 % (18.500 học viên)	1.684 (học viên)					
V	Về quốc phòng, an ninh- trật tự an toàn xã hội và cấp độ an toàn thông tin cơ quan nhà nước (07 chỉ tiêu)								
25	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao		Hoàn thành	Hoàn thành				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
26	Phần đầu kéo giảm ít nhất tỷ lệ % số vụ phạm tội về trật tự xã hội so với thống kê của năm.	%	1.617 vụ (Giảm ít nhất 5%)	763 vụ				Công an tỉnh	
27	Phát hiện nhiều hơn tỷ lệ % vụ phạm tội ma túy so với năm	%	400 vụ (phát hiện nhiều hơn 5%)	298 vụ				Công an tỉnh	

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo bảo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá		
28	Tỷ lệ tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý	%	100	100					
	- Trong đó: Tỷ lệ giải quyết đạt trên	%	90	58.77					
29	Tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên	%	75	87.72					Công an tỉnh
	Tỷ lệ điều tra án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trên	%	90	92.21					
30	Số vụ tai nạn giao thông; số vụ cháy, nổ, trong đó		Kiểm chế sự gia tăng tai nạn giao thông và						Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải
	Số vụ tai nạn giao thông, trong đó:	Vụ		111					
	- Số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng và vụ cháy nổ, làm giảm số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng và vụ cháy nổ lớn	Vụ		0					
	Số vụ cháy, nổ, trong đó:	Vụ		17					
31	- Số vụ cháy, nổ lớn	Vụ		0					Cục Thi hành án Dân sự tỉnh
	Chỉ tiêu thi hành án xong/lồng số có điều kiện thi hành trong đó:	-	Hoàn thành	-					
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc	%	81.5	50					
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền	%	40.1	32					

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022					Dự kiến năm 2023	Cơ quan báo báo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Ước thực hiện 2022 so mục tiêu NQ (%)	Đánh giá		
32	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan Nhà nước được phê duyệt theo cấp độ an toàn	%	100	-					Sở Thông tin và Truyền thông